

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 40/QĐ-TKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
TRƯỞNG THỐNG KÊ, THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11/7/2025 của Cục Thống kê về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-CTK ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê Về việc điều chỉnh dự toán NSNN năm 2025;

Theo đề nghị của trưởng phòng Tổ chức- Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Thống kê tỉnh Đắk Lắk (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, các đơn vị và cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban KHTC- CTK;
- Lãnh đạo TKT;
- Lưu :VT,TCHC, KT



Hồ Ngọc Quang

Cục Thống kê
Thống kê tỉnh Đắk Lắk

Chương: 018



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 40 ngày 13/8/2025 của Trưởng Thống kê tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	TỔNG CỘNG	60.482.713.658
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	60.343.471.162
I	Nguồn ngân sách trong nước	60.343.471.162
1	Chi quản lý hành chính	60.243.471.162
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19.317.883.297
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	40.925.587.865
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	100.000.000
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	100.000.000
B	Tạm ứng	139.242.496
I	Nguồn ngân sách trong nước	139.242.496
1	Chi quản lý hành chính	139.242.496
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	139.242.496